TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 823/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 7 - 2022
V/v: *Tranh chấp về cấp dưỡng, chia tài sản sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân.

2. Bà Dương Triều Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 538/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2021 về *"tranh chấp về cấp dưỡng, chia tài sản sau khi ly hôn"* và thụ lý bổ sung số 538.1/2022/TB-TLVA ngày 01/4/2022 về *"yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đường X, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đường Y, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày:

Bà Phan Thị C và ông Lê Minh T là vợ chồng hợp pháp và sau đó đã ly hôn vào năm 2013, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 448/2013/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Theo Quyết định ghi nhận thì về con chung là Lê Hùng K, sinh ngày 15/10/2007 giao cho bà C trực tiếp giữ nuôi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà C có yêu cầu. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên đến nay do trẻ Lê Hùng K vào tuổi ăn học nên cần đảm bảo chi phí cuộc sống cho con, hiện thu nhập của bà C bị ảnh hưởng do dịch covid-19 nên nay bà C yêu cầu ông T thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chi phí để nuôi trẻ K hàng tháng khoảng 19-20 triệu đồng/tháng, nên bà C yêu cầu ông Lê Minh T thực hiện cấp dưỡng cho con chung là trẻ K số tiền là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Ngoài ra vào năm 2013, bà C và ông T cùng gửi tiền tại Ngân hàng TMCP A hình thức sổ tiết kiệm đồng sở hữu số tiền là 300.000.000 đồng. Số dư sổ tiết kiệm này tạm tính đến ngày 18/6/2021 là 518.800.043 đồng. Bà C yêu cầu được hưởng ½ số tiền của sổ tiết kiệm này và tiền lãi đến ngày thực nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Minh T đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con thì bà C không đồng ý. Bà C cho rằng ông T hiện đã có gia đình riêng, có 02 con chung với người vợ sau nên phải chăm lo cho gia đình riêng của mình trong khi bà C chỉ có trẻ K nên sẽ có điều kiện chăm sóc con tốt hơn và từ khi ly hôn đến nay, trẻ K ở với bà C, tâm sinh lý phát triển ổn định, kết quả học tập tốt nên bà C không đồng ý thay đổi để tránh ảnh hưởng đến trẻ K.

Từ trước đến nay bà C vẫn tạo điều kiện cho ông T được quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục trẻ Lê Hùng K chứ không cản trở ông T thực hiện quyền này. Ông T không có chứng cứ về việc cho rằng bà C cản trở ông T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con.

Theo đơn phản tố cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Lê Minh T trình bày:

Ông Lê Minh T xác nhận đã ly hôn với bà Phan Thị C theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 448/2013/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân Quận 8 như bà C trình bày.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho trẻ K của bà C, ông T không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 115, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đồng thời, ông T yêu cầu bà C đảm bảo quyền được thăm nom chăm sóc trẻ K, cụ thể: 01 tuần cho con về bên nội ít nhất một lần, gọi điện thoại cho ba ruột ít nhất một lần/tuần.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A thì ông T không đồng ý yêu cầu chia tài sản này của bà C, lý do là trước đây hai

bên đã thống nhất để giành số tiền này cho con chung Lê Hùng K.

Ngày 30/3/2022, ông T đã có đơn phản tố, đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Ông T trình bày bà C đã cản trở ông T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và điều kiện nuôi dạy con của bà C không tốt, tâm lý bất thường, nóng giận vô cớ, ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ K. Nay ông T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cụ thể ông T yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi trẻ Lê Hùng K, không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu được hưởng ½ số tiền gốc và lãi của sổ tiết kiệm mở năm 2013 tại Ngân hàng TMCP A và tiền lãi đến ngày thực nhận, yêu cầu ông T thực hiện cấp dưỡng cho con là 5.000.000 đồng/tháng, không đồng ý yêu cầu phản tố về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của bị đơn vì không có cơ sở.

- Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể ông cho rằng số tiền 300.000.000 đồng của sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP A hai bên đã thỏa thuận là để cho trẻ K sau này nên ông T không đồng ý chia; đối với yêu cầu cấp dưỡng của bà C, ông T cho rằng mức yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho trẻ K mà bà C đưa ra nằm trong khả năng thu nhập của ông nhưng ông không đồng ý việc cấp dưỡng cho con vì bà C không cho ông thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con. Ông giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể đề nghị được trực tiếp giữ nuôi con chung là trẻ Lê Hùng K, không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách đương sự; Thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt văn bản tố tụng; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định; Tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự; Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C về việc chia cho bà C, ông T mỗi người hưởng ½ số tiền gốc và lãi của sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP A năm 2013, yêu cầu ông T thực hiện cấp dưỡng cho con số tiền 5.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên, bác yêu cầu phản tố của ông Lê Minh T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn thì đây là vụ án tranh chấp về cấp dưỡng cho con, chia tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, bị đơn là ông Lê Minh T hiện đang cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1, khoản 3, khoản 5 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của các đương sự thuộc tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu chia tài sản chung:

Căn cứ văn bản số 0322/TBT ngày 20/4/2022 của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X, có thể xác định ông Lê Minh T và bà Phan Thị C có mở sổ tiết kiệm đồng sở hữu tại Ngân hàng TMCP A với thông tin như sau: chủ sổ Lê Minh T – Phan Thị C, số sổ 012248290001, ngày mở sổ 18/10/2013, số dư đầu kỳ là 300.000.000 đồng, kỳ hạn 13 tháng lãi đáo hạn, số dư đến ngày 20/4/2022 là 518.800.043 đồng.

Tại thời điểm mở sổ tiết kiệm, ông T và bà C có quan hệ vợ chồng, mặt khác đây là sổ tiết kiệm đồng sở hữu nên căn cứ quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2000, Điều 33 Luật hôn nhân gia đình 2014 xác định số tiền 518.800.043 đồng (gồm cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022) của sổ tiết kiệm 012248290001 mở ngày 18/10/2013 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X là tài sản chung của ông Lê Minh T và bà Phan Thị C.

Căn cứ quy định tại Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu của bà Phan Thị C chia phần tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là số tiền gửi tiết kiệm và tiền lãi phát sinh của sổ tiết kiệm 012248290001 mở ngày 18/10/2013 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X là có căn cứ để chấp nhận.

Việc ông Lê Minh T không đồng ý chia số tiền của sổ tiết kiệm nêu trên vì cho rằng hai bên đã thỏa thuận để cho con nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận đó nên không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình 2014, bà C và ông T mỗi người được chia ½ số tiền gốc là 300.000.000 đồng và ½ số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/4/2022 là 218.800.043 đồng (theo công văn số 0322/TBT ngày 20/4/2022 của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X). Cụ thể số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/4/2022 bà C và ông T mỗi người được chia là 259.400.022 đồng.

[2.2]. Về yêu cầu cấp dưỡng cho con:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 448/2013/QĐST- HNGĐ ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận thì về con chung, giao con chung Lê Hùng K (sinh ngày 15/10/2007) cho bà Phan Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà C có yêu cầu.

Xét trẻ Lê Hùng K là con chung của ông Lê Minh T và bà Phan Thị C, bà C là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nay có yêu cầu ông T, là người không trực tiếp nuôi con thực hiện cấp dưỡng cho con đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3]. Về mức cấp dưỡng cho con:

Xét yêu cầu ông T thực hiện cấp dưỡng cho con 5.000.000 đồng/tháng của bà C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc nuôi dưỡng con chung là trẻ Lê Hùng K thì cả ông T và bà C đều phải có trách nhiệm như nhau nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con.

Căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì việc cấp dưỡng cho con phải căn cứ vào thu nhập thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Ông Lê Minh T xác nhận hiện có mức thu nhập bình quân khoảng 200.000.000 đồng/năm (tương đương 16,6 triệu đồng/tháng), tại phiên tòa tuy không đồng ý việc cấp dưỡng nhưng ông T xác nhận mức 5.000.000 đồng/tháng mà bà C yêu cầu cấp dưỡng cho trẻ K là trong khả năng thu nhập của ông T có thể đáp ứng. Như vậy, việc bà C yêu cầu ông T thực hiện cấp dưỡng cho con số tiền 5.000.000 đồng/tháng là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Xét yêu cầu phản tố của ông Lê Minh T về việc đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Lê Hùng K, không yêu cầu bà Phan Thị C thực hiện cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại đơn phản tố và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà C có hành vi cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của ông T cũng như việc bà C không đảm bảo điều kiện nuôi dạy con, nuôi dạy con chưa tốt, ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành xem xét nguyện vọng của trẻ Lê Hùng K thì trẻ K có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ. Do đó, yêu cầu phản tố của ông Lê Minh T về việc đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cụ thể yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Hùng K vì những lí do mà ông T nêu trong đơn phản tố là không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 15, Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì:

- Nguyên đơn bà Phan Thị C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con theo Thông báo về việc miễn nộp tạm ứng án phí số 420/TB-TA ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận 8.

- Nguyên đơn bà Phan Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 12.970.001 đồng.

- Bị đơn ông Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu về cấp dưỡng là 300.000 đồng, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 12.970.001 đồng. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Minh T phải chịu là 13.570.001 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị C và bị đơn là ông Lê Minh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2000; Điều 33; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 15, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xác định số tiền 518.800.043 đồng (gồm cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022) của sổ tiết kiệm 012248290001 đứng tên Lê Minh T – Phan Thị C, mở ngày 18/10/2013 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X là tài sản chung của ông Lê Minh T và bà Phan Thị C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C về việc chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 300.000.000 đồng (tiền gốc) và 218.800.043 đồng (tiền lãi tính đến ngày 20/4/2022) của sổ tiết kiệm

012248290001 đứng tên Lê Minh T – Phan Thị C, mở ngày 18/10/2013 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X, bà C và ông T mỗi bên được chia ½, số tiền cụ thể được chia như sau:

- Bà Phan Thị C được chia số tiền là 259.400.022 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn không trăm hai mươi hai đồng) tính đến ngày 20/4/2022.

- Ông Lê Minh T được chia số tiền là 259.400.022 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn không trăm hai mươi hai đồng) tính đến ngày 20/4/2022.

Bà Phan Thị C, ông Lê Minh T được quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X để nhận tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 21/4/2022 cho đến ngày nhận tiền, ông Nhi và bà Tuyên mỗi người còn tiếp tục được hưởng ½ của số tiền lãi (nếu có) của sổ tiết kiệm 012248290001 mở ngày 18/10/2013 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quận 1 - PGD X.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Minh T thực hiện cấp dưỡng cho con.

Buộc ông Lê Minh T phải cấp dưỡng cho con chung là trẻ Lê Hùng K, sinh ngày 15/10/2007, số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ K thành niên.

Kể từ ngày bà Phan Thị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Minh T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng ông Lê Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật dân sự tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Minh T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là được trực tiếp giữ nuôi con chung là Lê Hùng K, sinh ngày 15/10/2007.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.970.001 đồng (Mười hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn không trăm lẻ một đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016162 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị C còn phải nộp số tiền án phí là 9.220.001 đồng (Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn không trăm lẻ một đồng).

- Ông Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.570.001 đồng (Mười ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn không trăm lẻ một đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016713 ngày 01/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Minh T còn phải nộp

số tiền án phí là 13.270.001 đồng (Mười ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn không trăm lẻ một đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Quân